

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN MINH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2021/HN-ST**

Ngày: 14/4/2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Vũ Linh, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý, kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 357/2020/TLST - HNGĐ ngày 14/12/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36A/2021/QĐXXST - HN ngày 03/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2021/QĐST - HNGĐ ngày 24/3/2021, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Bé Ngh, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Ấp CTrA2, xã LTh, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. (*Có đơn xin vắng mặt*)

\* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1984. Nơi cư trú cuối cùng: Ấp 10B, xã TH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (*Vắng mặt không có lý do*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Bé Ngh trình bày và yêu cầu như sau:* Chị và anh L chung sống với nhau từ năm 2011, anh chị quen biết nhau và đi đến hôn nhân là qua sự mai mối của hai bên gia đình, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đi thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, được UBND xã LTh, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/8/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại ấp CTrA2 đến tháng 10/2011 anh L trở về ấp 10B, xã TH sinh sống với cha mẹ ruột của anh L. Sau khi về nhà cha mẹ ruột sinh sống, gần đến ngày chị sinh con, chị Ngh có báo với anh L nhưng anh L không quay lại. Trong thời gian chị Ngh sinh con, chị phải tự lo và làm thuê để mẹ con sinh sống. anh L thỉnh thoảng có liên lạc qua điện thoại nhưng không lần nào về thăm con. Từ năm 2016 đến nay, chị và anh L mất liên lạc với nhau.

*Về con chung:* Chị Ngh xác nhận, trong quá trình chung sống chị và anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Nhã A, sinh ngày 23/4/2012. Hiện nay, cháu đang chung sống cùng chị Ngh.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Ngh xác nhận, trong quá trình chung sống không có phát sinh.

Nay, do xét thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nữa nên chị Ngh yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L; chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thanh L không có lời trình bày.*

*\* Tại phiên tòa:*

- *Chị Ngh:* Vắng mặt

- *Anh L:* Vắng mặt

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự;

Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; phía bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Ngô Thị Bé Ngh khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh L là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị Ngh khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh L có nơi cư trú cuối cùng tại ấp 10B, xã TH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua yêu cầu của đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm đối với anh L nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy, trường hợp vắng mặt của anh L không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở

ngại khách quan và chị Ngh có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị Ngh và anh L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Ngh và anh L chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LTh, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/8/2011 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị Ngh về việc ly hôn với anh L, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Ngh cho rằng từ khi anh L bỏ về nhà cha mẹ ruột (ấp 10B, xã TH) sinh sống thì anh L không quay về chung sống cùng chị nhưng thỉnh thoảng anh L có liên lạc qua điện thoại, trong thời gian này chị phải tự lo sinh con và làm thuê để nuôi con, anh L không lần nào về thăm con. Từ năm 2016, chị không liên lạc được với anh L cho đến nay.

Qua xác minh tại nơi cư trú, cho thấy giữa chị Ngh và anh L đã không còn chung sống với nhau từ năm 2011 đến nay và hiện nay không liên lạc được với anh L là đúng. Đồng thời, sau khi Tòa án thụ lý và Tòa án đã tiến hành triệu tập anh L nhiều lần để hòa giải nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh L luôn vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị Ngh.

Mặc khác, theo như chị Ngh trình bày, giữa chị Ngh và L đã không còn chung sống với nhau từ năm 2011 đến nay và không còn liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được. HĐXX xét thấy, trong khoảng thời gian dài anh chị không tới lui để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Ngh và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị Ngh được ly hôn với anh L.

[3] *Về quan hệ con chung*: Xét yêu cầu của chị Ngh về việc được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Ngọc Nhã A, sinh ngày 23/4/2012, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con cùng chị sau khi ly hôn. HĐXX xét thấy, yêu cầu nuôi con của chị Ngh phù hợp với nguyện vọng của cháu A và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là chị tự nguyện, không ai ép buộc nên HĐXX chấp nhận. Nhưng khi cần thiết, chị Ngh có quyền yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Ngh xác định giữa chị và anh L không có phát sinh nên HĐXX không xem xét. Nhưng sau khi ly hôn, trường hợp có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của anh chị thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc chị Ngh phải chịu án phí hôn nhân với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Ngô Thị Bé Ngh được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L.

2. *Về con chung*: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Nhã A (sinh ngày 23/4/2012, giới tính nữ) cho chị Ngh trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện nay cháu Nhã A đang chung sống cùng chị Ngh).

Chị Ngh không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Khi cần thiết, chị Ngh có quyền yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Anh L không trực tiếp nuôi con nhưng lạm dụng vào việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Ngh thì chị Ngh có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh L.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc chị Ngô Thị Bé Ngh chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0006167 ngày 11/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang nên chị Ngh không phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo*: Chị Ngh và anh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã LTh (Vĩnh Lợi, Bạc Liêu);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trịnh Thị Cẩm Linh**